

# HỢP TÁC NÔNG NGHIỆP NỘI KHỐI CHÂU PHI TỪ CUỐI THẬP KỶ 1990 ĐẾN NAY

*Trần Thị Lan Hương\**

*Nguyễn Hoàng Minh\*\**

**B**ên cạnh sự hợp tác của thế giới bên ngoài để giúp châu Phi phát triển nông nghiệp, hợp tác nội khối giữa các nước châu Phi trong thời gian qua cũng được triển khai ở nhiều hình thức khác nhau. Kể từ cuối thập kỷ 1990 cho đến nay, các chính sách tự do hoá và tư nhân hoá đã làm giảm vai trò can thiệp trực tiếp của chính phủ trong phát triển nông nghiệp, đồng thời làm gia tăng quyền lực của các tổ chức mới trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt là vai trò của các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức liên kết khu vực. Nhận thức được vai trò quan trọng của nông nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế và để đối phó với cuộc khủng hoảng nông nghiệp châu Phi đang có dấu hiệu trầm trọng, chính phủ các nước châu Phi đã cùng nhau đoàn kết và khẳng định lại những cam kết đối với việc phát triển nông nghiệp và nông thôn thôn qua một số sáng kiến khu vực nhằm cải thiện tình hình phát triển nông

ng nghiệp và nông thôn ở châu Phi. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hợp tác nông nghiệp nội khối ở châu Phi đã không đem lại những kết quả như mong muốn.

## **1. Các sáng kiến và chương trình hợp tác điển hình**

Đó là các sáng kiến như: Tuyên bố Maputo; Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện châu Phi (CAADP) do NEPAD khởi xướng; Sáng kiến thành lập Ủy ban nông nghiệp và kinh tế nông thôn trực thuộc Liên minh châu Phi; Tuyên bố Sirte về nguồn nước; Thúc đẩy các sáng kiến tại cộng đồng kinh tế khu vực...

### + Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện châu Phi (CAADP)

Tại Hội nghị Bộ trưởng nông nghiệp các nước châu Phi tổ chức ở Rome tháng 6 năm 2002 trong khuôn khổ của Tổ chức phát triển lương thực Liên hiệp quốc (FAO) kết hợp với Ban thư ký NEPAD, CAADP đã được đề xuất thực hiện. CAADP đã vạch ra kế hoạch đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở châu Phi đến năm 2015. CAADP đề cập đến những thách thức

\* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

\*\* Thạc sĩ, Viện Chiến lược chính sách tài nguyên và môi trường

của nông nghiệp châu Phi hiện nay, chủ yếu là những khó khăn trong phát triển thị trường nông nghiệp, những trở ngại về công nghệ trong phát triển nông nghiệp, những sức ép của năng suất lao động nông nghiệp thấp và vấn đề mất an ninh lương thực. Mục tiêu của CAADP là hỗ trợ các nước châu Phi đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn trong đó nông nghiệp là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, giảm mất an ninh lương thực và mở rộng thương mại nông nghiệp. CAADP nhằm mục tiêu sẽ đưa tốc độ tăng trưởng nông nghiệp của châu Phi đạt 6%/năm đủ để giúp các nước châu Phi đạt được MDGs vào năm 2015. Bốn trụ cột chủ yếu của CAADP là:

i) Mở rộng quản lý đất đai và nguồn nước một cách bền vững. Trụ cột này nhấn mạnh đến tầm quan trọng của nguồn nước và việc quản lý nguồn nước nhằm gia tăng năng suất lao động và đảm bảo sản lượng tăng trưởng bền vững. Tổng kinh phí đầu tư cho trụ cột này là 37 tỷ USD trong giai đoạn 2002-2015 nhằm phát triển diện tích đất tưới quy mô nhỏ cũng như cải thiện chất lượng đất (14.2 triệu ha); nâng cấp hệ thống tưới tiêu, thủy lợi quy mô lớn (3,6 triệu ha); phát triển và xây mới hệ thống thủy lợi, tưới tiêu quy mô lớn (1,9 triệu ha). Trong số 37 tỷ USD đầu tư cho quản lý đất đai và nguồn nước, giai đoạn 2002-2005 cần 9,9 tỷ USD, giai đoạn 2006-2010 cần 20,1 tỷ USD và giai đoạn 2011-2015 cần 6,8 tỷ USD.

ii) Cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn và năng lực tiếp cận thị trường. Trụ cột này nhấn mạnh đến việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là đường xá ở nông thôn, các nhà máy chế biến lương thực thực phẩm, phát triển thị trường để hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp và cải thiện tính cạnh tranh của

ngành nông nghiệp. Tổng chi phí đầu tư ước tính là 89 tỷ USD cho phát triển hạ tầng nông thôn và 2.8 tỷ USD cho phát triển năng lực tiếp cận thị trường. Trong số đó, giai đoạn 2002-2005 cần đầu tư 23 tỷ USD, giai đoạn 2006-2010 cần đầu tư 37 tỷ USD và giai đoạn 2011-2015 cần đầu tư 33 tỷ USD.

iii) Tăng cường cung cấp lương thực và giảm nghèo. Trụ cột này chủ yếu là nhằm tăng năng suất lao động cho 15 triệu nông trại quy mô nhỏ thông qua cải thiện công nghệ, dịch vụ và chính sách. Tổng chi phí đầu tư là 7,5 tỷ USD, trong đó 6,5 tỷ USD sẽ được phân bổ cho các quốc gia châu Phi và 1 tỷ USD được phân bổ cho các chương trình hành động khu vực.

iv) Ưu tiên phổ biến và áp dụng nghiên cứu và công nghệ nông nghiệp. Trụ cột này nhằm tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển công nghệ, tăng cường sự tham gia của ngành tư nhân trong nghiên cứu nông nghiệp, cải cách thể chế và tài chính cho phát triển công nghệ nông nghiệp. Tổng chi phí đầu tư cho trụ cột 4 là 4.6 tỷ USD.

Như vậy, dự trù tổng kinh phí cho CAADP là khoảng 251 tỷ USD, trong đó châu Phi sẽ huy động vốn để đầu tư khoảng 104,4 tỷ USD, còn lại 126.6 tỷ USD là huy động từ nguồn tài trợ bên ngoài. Thông qua CAADP, các nước thành viên AU cam kết sẽ giành tối thiểu 10% ngân sách quốc gia của họ cho phát triển nông nghiệp và nông thôn.

+ Tuyên bố Maputo về chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn: Nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp ở châu Phi, tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ tư của các nhà lãnh đạo các nước châu Phi, Caribe và Thái Bình Dương (ACP) tổ chức ở Môdambich năm 2004, tuyên bố Maputo đã kêu gọi các nước thành viên thực hiện các chính sách phát triển

nông nghiệp và nông thôn một cách hợp lý với mục tiêu “tăng cường phát triển nông nghiệp và nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực ở tất cả các quốc gia và trong khu vực...: Hỗ trợ thực hiện các chương trình ưu tiên trong khuôn khổ hợp tác phát triển giữa ACP-EC, dành quyền ưu tiên cao nhất cho đầu tư kiểm soát nguồn nước, quản lý và tăng nhanh năng suất lao động nông nghiệp, đảm bảo sản lượng nông nghiệp tăng trưởng bền vững hơn”<sup>1</sup>.

Tuyên bố Maputo thể hiện sự cam kết chính trị mạnh mẽ của lãnh đạo 48 nước châu Phi nhằm ủng hộ CAADP. Các nhà lãnh đạo châu Phi đã nhận thức được tầm quan trọng của ngành nông nghiệp bao gồm cả ngư nghiệp và lâm nghiệp trong phát triển kinh tế và cùng nhau cam kết thực hiện các chiến lược và chính sách đặc biệt đầu tư cho những người nông dân có truyền thống canh tác nhỏ lẻ, tạo điều kiện cho sự tham gia của ngành tư nhân, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, giải quyết các sức ép đối với sản xuất nông nghiệp và phát triển thị trường như tăng tỷ lệ phân bón cho đồng ruộng, quản lý nguồn nước quý hiếm, phát triển cơ sở hạ tầng, quản lý dịch bệnh. Theo Tuyên bố Maputo, các nhà lãnh đạo đã cam kết chi ít nhất 10% ngân sách quốc gia cho kế hoạch phát triển nông nghiệp cấp khu vực, quốc gia và châu lục trong vòng 5 năm tính đến năm 2008. Các nước thành viên phải chịu trách nhiệm tăng cường sự đóng góp của mình đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp chung của toàn châu lục, tăng cường đầu tư cho phát triển nông nghiệp, tạo điều kiện về thuế và những ưu đãi khác cho phát triển nông nghiệp.

#### + Tuyên bố Sirte về nông nghiệp và nguồn nước

Tại Hội nghị các nhà lãnh đạo thuộc Liên minh châu Phi (AU) tổ chức ở Sirte (Libi)

ngày 27-28/1/2004, Tuyên bố Sirte đã được ký kết nhằm thực hiện sự phát triển bền vững và hội nhập nông nghiệp và nguồn nước ở châu Phi. Trong Tuyên bố này, chính phủ các nước châu Phi kêu gọi các nước thành viên tự cam kết phát triển nông nghiệp trên mọi phương diện, bao gồm cả thúc đẩy sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chiến lược, phát triển nuôi trồng và thủy sản, phát triển các hoạt động triển khai trong nông nghiệp, nguồn nước, nguồn tài nguyên, đặc biệt là phát triển các lưu vực sông trong châu lục. Tuyên bố này cũng kêu gọi: i) thiết lập Ủy ban châu Phi về sản xuất nông nghiệp để xác định và lựa chọn những sản phẩm nông nghiệp chiến lược, tìm kiếm mô hình đầu tư nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của khu vực; ii) Thiết lập một ủy ban phát triển nguồn lợi hải sản, phương pháp đánh bắt hải sản, cải thiện điều kiện kho tàng, bến bãi và chế biến hải sản; thúc đẩy liên kết khu vực về hải sản, đặc biệt trong các khu vực lưu vực sông và hồ. iii) Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm cấp châu lục để điều tra, cảnh báo mức độ khô hạn, sa mạc hoá, lũ lụt, dịch bệnh tự nhiên; iv) Thành lập mạng lưới thông tin về sản xuất nông nghiệp, an ninh lương thực, thị trường cho sản phẩm nông nghiệp. Nguồn tài chính để thực hiện các kế hoạch trong Tuyên bố Sirte được lấy từ Ngân hàng đầu tư châu Phi và Quỹ phát triển nông nghiệp và nguồn nước châu Phi.

#### + Hợp tác nông nghiệp thông qua các Cộng đồng kinh tế khu vực (RECs):

Trong tuyên bố Abuja về an ninh lương thực châu Phi<sup>2</sup> RECs đóng vai trò quan trọng trong hợp tác nông nghiệp nội khối ở châu Phi. Tại châu Phi hiện nay, có 5 RECs được coi là hạt nhân trong hợp tác nội khối, đó là Liên minh Ảrập Magheb (AMU), Thị trường chung Đông và Nam Phi (COMESA), Cộng đồng

kinh tế các nước vùng Trung Phi (ECCAS), Cộng đồng kinh tế các nước vùng Tây Phi (ECOWAS) và Cộng đồng phát triển miền Nam châu Phi (SADC). Ở các mức độ hợp tác khác nhau, cả 5 RECs này đều hướng tới việc nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực trong khu vực, tăng tỷ lệ giao dịch thương mại nội khối trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng giá trị cho hàng hoá nông nghiệp xuất khẩu, kiểm soát dịch bệnh trong nông nghiệp, phát triển hệ thống tưới tiêu để hạn chế độ khô cằn và bạc màu của đất. Một số RECs đã hướng tới thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp chung và hợp tác chính sách để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông nghiệp, mở rộng nghiên cứu khoa học trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Điển hình là Chương trình hợp tác khu vực và phát triển thị trường nông nghiệp (AMPRIP) của COMESA bắt đầu thực hiện từ năm 2005. AMPRIP nhằm thúc đẩy thương mại nội khối trong khu vực COMESA bằng các biện pháp như xoá bỏ khoảng cách về thông tin, giải quyết an ninh lương thực, tăng cường trao đổi hàng hoá nông nghiệp. Dưới AMPRIP, Hệ thống thông tin thị trường nông nghiệp và lương thực vùng COMESA (FAMIS) đã được thành lập. FAMIS nhằm mục đích cung cấp thông tin về giá cả, số liệu và tư liệu về sản xuất nông nghiệp trong toàn khu vực, các chỉ số cung cầu và những thông tin về điều chỉnh chính sách nông nghiệp, thủ tục thương mại giữa các nước thành viên. AMPRIP sẽ hỗ trợ đào tạo về các tiêu chuẩn vệ sinh và độc tố thực vật cho các hợp tác xã nông nghiệp và cho từng nông dân, bao gồm cả việc hỗ trợ kỹ thuật để kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh và độc tố thực vật và hỗ trợ những vấn đề thuộc về luật pháp cho các nước thành viên. AMPRIP sẽ thúc đẩy các hình thức hợp tác

thương mại nông nghiệp giữa các nước thành viên, tạo ra mạng lưới liên kết khu vực để tăng cường trao đổi thông tin và mở rộng thị trường. Thông qua AMPRIP, COMESA sẽ có điều kiện thuận lợi để phát triển hệ thống luật pháp chung và xây dựng năng lực thông qua đào tạo, trao đổi thông tin giữa các nước thành viên. AMPRIP hy vọng sẽ tăng cường được các thể chế thị trường trong COMESA, cung cấp sự hỗ trợ mạnh mẽ cho các nước thành viên để tăng cường tính cạnh tranh trong thị trường nông nghiệp, thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự phát triển thương mại hàng hoá.

Đặc biệt hơn, COMESA và SADC đã thành lập Quỹ tưới tiêu khu vực (RIF), lập dự án chiến lược cải tạo hệ thống tưới tiêu, độ màu mỡ của đất đai, thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững giữa các nước thành viên. Những nước đóng vai trò chủ yếu trong việc thúc đẩy liên kết thương mại nông nghiệp nội khối COMESA là Kenya, Zambia, Uganda, Malawi và Ai Cập. Đồng thời, một số nước thành viên khác như Comoros, Burundi, Xu Đẳng, Ethiopia, Eritrea cũng đóng những vai trò nhất định trong các chương trình hợp tác nông nghiệp nội khối.

Các RECs khác cũng có những chương trình hợp tác nông nghiệp quan trọng. ECOWAS đã ban hành Chính sách nông nghiệp chung (ECOWAP) tập trung vào ba lĩnh vực chủ yếu là cải thiện năng suất và tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ; thực hiện chế độ thương mại chung và hình thành thị trường chung trong khu vực. ECOWAP bắt đầu có hiệu lực từ ngày 19 tháng 1 năm 2005 nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu lương thực của người dân vùng Tây Phi, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội và góp

phần giảm nghèo và giảm bất bình đẳng ở các nước thành viên. ECOWAP một lần nữa khẳng định những cam kết trong Tuyên bố Maputo về việc giành tối thiểu 10% ngân sách quốc gia cho phát triển nông nghiệp. Đồng thời, ECOWAP thúc đẩy việc thực hiện nhanh những cam kết về biểu thuế quan chung (CET) giữa các nước thành viên với các mức thuế là 0, 5, 10 và 20% tùy vào từng loại hàng hoá. Thông qua ECOWAP và việc thực hiện CET, các nước ECOWAS hy vọng sẽ đàm phán ký kết Hiệp định đối tác kinh tế (EPAs) về nông nghiệp với các nước EU. Cho đến nay, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của các nước Tây Phi. Nông nghiệp chiếm tới 35% GDP của các nước này và chiếm 15,3% doanh thu xuất khẩu trong khu vực. 60% dân số Tây Phi sống ở các vùng nông thôn. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp của các nước Tây Phi luôn ở dưới mức tiềm năng. Đói nghèo chiếm tới 30% dân số và mất an ninh lương thực làm ảnh hưởng tới 17% dân số. Do vậy việc thực hiện ECOWAP là mang tính chất quan trọng đối với các nước Tây Phi.

Các nước thành viên SADC lại tập trung vào vấn đề thúc đẩy năng lực quản lý nguồn nước, hệ thống tưới tiêu để giảm sự phụ thuộc của đồng ruộng vào lượng mưa tự nhiên. Ban thư ký của SADC đã phát triển 1 chương trình quản lý nước nông nghiệp. Chương trình này chia làm 3 lưu vực sông chính: lưu vực thượng nguồn Okavango (Angola và Namibia), lưu vực trung nguồn Zambezi (Botswana, Zambia và Zimbabwe) và lưu vực hạ nguồn Zambezi/Shire (Malawi, Mozambique và Tanzania).

## 2. Thành công bước đầu và những vấn đề đặt ra

\* Thành công bước đầu

Nhờ những nỗ lực giúp đỡ của cộng đồng quốc tế cũng như nỗ lực hợp tác nội khối, nông nghiệp châu Phi đã thu được một số thành công bước đầu. Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp nội khối đã và đang đem lại những thành công bước đầu cho trao đổi hàng hoá nông nghiệp giữa các nước thành viên của RECs. Giá trị xuất khẩu hàng hoá nông nghiệp nội bộ châu Phi đã tăng từ 2,7 tỷ USD trong giai đoạn 1996-1999 lên 3,8 tỷ USD trong giai đoạn 2002-2005, đạt tốc độ tăng khoảng 31%. Trong giai đoạn 2002-2005, xuất khẩu hàng hoá nông nghiệp nội khối chiếm trên 30% kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của COMESA, chiếm trên 27% của SADC, AMU. Ngoài ra, những chính sách hợp tác nông nghiệp của RECs đã khiến hợp tác nông nghiệp không chỉ dừng lại ở các nước láng giềng, mà còn diễn ra trên quy mô rộng hơn. Trong giai đoạn 2002-2005, ECOWAS đã xuất khẩu trị giá 10 triệu USD sản phẩm nông nghiệp sang COMESA và nhập khẩu từ COMESA trị giá 30 triệu USD trong cùng giai đoạn tương tự.

Có thể kể đến một số dự án phát triển nông nghiệp thành công như: dự án nông trại ở Benin, dự án phát triển nông thôn ở Ethiopia; dự án hợp tác làm ruộng ở Kenya; Dự án phát triển hệ thống trang trại ở Lesotho; dự án phục hồi đất và nước ở Niger; dự án an ninh lương thực ở Zimbabwe... Trong số 45 dự án và sáng kiến đã áp dụng ở 17 nước châu Phi, những tiến bộ đạt được trong sản xuất nông nghiệp ở châu Phi là rất đáng kể. 45 dự án và sáng kiến này đã thu hút sự tham gia của 730.000 hộ gia đình, giúp sản xuất lương thực ở những nước châu Phi áp dụng dự án tăng từ 50-100%, an ninh lương thực hộ gia đình được đảm bảo và năng suất lao động nông nghiệp của các quốc gia này tăng cao (bảng 1).

**Bảng 1. Những tiến bộ đạt được từ 45 dự án và sáng kiến phát triển nông nghiệp ở 17 nước châu Phi**

45 dự án ở 17 nước châu Phi	Số lượng hộ gia đình và diện tích áp dụng trong dự án	Cải thiện sản lượng nông nghiệp	Sản xuất tăng thêm từ dự án
Benin, Burkina Faso, Cameroon, Ethiopia, Ghana, Kenya, Lesotho, Madagasca, Malawi, Mali, Niger, Senegal, Xu Đãng, Tanzania, Uganda, Zambia, Zimbabwe	+ 730.000 hộ gia đình + 600-900.000 ha	+ Sản lượng ngô tăng từ 50-100% + Sản lượng lúa miến và hạt kê tăng từ 30-100% (phụ thuộc vào lượng mưa và phân bón). + Sản lượng lúa gạo tăng 300% + Sản lượng củ cải tăng từ 50-100%. + Sản lượng khoai tây tăng trên 200% + Sản lượng sữa gia tăng. + Sản lượng thấp nhất cũng tăng 5-10%	+ Sản xuất rau quanh năm, trong cả những mùa khô + Sản lượng cá tăng + Phục hồi đất đai (đặc biệt ở những vùng khô cằn) cho sản xuất ngũ cốc.

*Nguồn: Jules Pretty, Can Sustainable Agriculture Feed Africa? New Evidence on Progress. Processes and Impacts, Kluwer Academic Publishers, Netherlands 2000.*

Ở mỗi loại dự án hoặc sáng kiến, những tiến bộ đạt được đã góp phần tích cực vào việc gia tăng sản lượng nông nghiệp ở các nước châu Phi. Chẳng hạn, dự án nông trại ở Benin đã làm tăng độ phì nhiêu của đất đai bằng cách áp dụng công nghệ tạo độ màu mỡ cho đất, tiết kiệm cho tình Mono của Benin khoảng 1,85 triệu USD/năm và góp phần làm tăng năng suất nông nghiệp. Dự án này có sự tham gia tích cực của các tổ chức phi chính phủ (NGOs). Còn trong dự án phát triển nông thôn ở Ethiopia, việc áp dụng các giống cây trồng mới (rau, hoa quả, trồng rừng) đã có tác dụng làm tăng độ phì nhiêu của đất, kiểm soát được dịch bệnh và áp dụng các dịch vụ thú y. Dự án này đã kéo theo sự tham gia của 12.500 hộ gia đình nông thôn, áp dụng trên 5000 ha đất canh tác, cải thiện được 70% độ dinh dưỡng của đất ở những khu vực được bảo vệ và làm tăng 60% sản lượng cây trồng.

\* Những vấn đề đặt ra

Tình hình khủng hoảng nông nghiệp ở châu Phi hiện nay vẫn diễn ra trầm trọng, khiến những nỗ lực hợp tác như đã nêu ở trên trở nên khó khăn hơn. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hợp tác nông nghiệp nội khối không hiệu quả trong thời gian qua.

*Thứ nhất, các nước châu Phi thiếu năng lực và nguồn vốn cho hợp tác nông nghiệp nội khối*

Sự thụt lùi trong phát triển nông nghiệp của châu Phi trong thời gian qua một phần thuộc về nguyên nhân thiếu tích lũy vốn cho đầu tư. Đói nghèo, lạc hậu khiến những nỗ lực hợp tác khu vực trở nên kém hiệu quả. Trong số 40 nước đang lâm vào khủng hoảng nợ nặng nề nhất hiện nay, có tới 35 nước thuộc về châu Phi. Nợ nước ngoài chiếm tới 60,7% GDP của châu Phi và trong vài thập kỷ qua, viện trợ nước ngoài hầu hết là để chi trả các khoản nợ nước ngoài. Tính đến nay, 48 nước châu Phi cận Sahara mỗi năm phải chi 13,5 tỷ USD để

trả nợ các nước giàu, tương đương với số tiền cần thiết để chi tiêu cho y tế và giáo dục, phòng chống AIDs và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tại Mozambique, chi tiêu hàng năm cho giáo dục và y tế là 5.04 USD/người, trong khi số tiền trả nợ nước ngoài là 4.75 USD/người. Tại Dambia, 40% số tiền viện trợ mới dùng để thanh toán nợ thay vì thực hiện mục tiêu xoá đói nghèo cho hơn 80% dân số của đất nước đang sống trong tình trạng nghèo khổ<sup>3</sup>. Đói nghèo, nợ nần, phụ thuộc vào viện trợ khiến các chính phủ các nước châu Phi không đủ năng lực tài chính để thúc đẩy hợp tác nông nghiệp nội khối.

Một dẫn chứng điển hình cho việc thiếu khả năng và năng lực tài chính cho hợp tác nông nghiệp nội khối là Chương trình hợp tác lưu vực sông Niger. Năm 1980, Ủy ban lưu vực sông Niger (NBA) đã ký kết Hiệp định lưu vực sông Niger để tạo khuôn khổ pháp lý thúc đẩy hợp tác giữa 9 nước thành viên trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực năng lượng, quản lý nước, phát triển nông nghiệp, trồng rừng, giao thông vận tải, công nghiệp. Tuy nhiên, NBA đã không đủ năng lực quản lý các dự án thuộc Hiệp định nói trên do thiếu vốn điều hành và những xung đột, nội chiến diễn ra trong khu vực. Vào năm 2002, Hội nghị thượng đỉnh các nhà lãnh đạo của NBA đã họp tại Abuja và xem xét lại hoạt động của NBA, đề xuất Chương trình hành động phát triển bền vững (SDAP), đảm bảo những nỗ lực hợp tác để phát triển hiệu quả các dự án trên. Tuy nhiên, cho đến nay, hợp tác nông nghiệp của các nước thuộc lưu vực sông Niger không đem lại những hiệu quả đáng kể. Sau vài thập kỷ nỗ lực hợp tác phát triển nông nghiệp, các nước lưu vực sông Niger vẫn là những nước rất nghèo. Hợp tác không thể có hiệu quả trong khi 9 nước trên đều nằm trong số những nước

nghèo nhất thế giới và 7 trong số 9 nước trên có các chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc loại thấp nhất trong số 20 nước đứng hàng cuối cùng trên thế giới. Một số nước còn đang chìm đắm trong xung đột, nội chiến và mục tiêu giải quyết cứu đói được đặt lên hàng đầu. Lưu vực sông Niger là một lưu vực rất có tiềm năng trong phát triển nông nghiệp và có nhiều cơ hội trong việc phát triển năng lượng, tưới tiêu, vận tải đường thủy. Tuy nhiên, hiệu quả hợp tác nội khối lại phụ thuộc phần lớn vào năng lực quản lý điều hành dự án và nguồn vốn to lớn để phát triển nông nghiệp.

*Thứ hai, chính sách phát triển nông nghiệp của các nước châu Phi không hiệu quả.*

Cho đến nay, các nước châu Phi đã áp dụng hàng loạt các chính sách khác nhau trên đồng ruộng của họ, nhưng hiệu quả của các chính sách đó được đánh giá là rất thấp. Các chính sách này chủ yếu tập trung vào những ưu đãi trong nông nghiệp như mở cửa thị trường nông nghiệp, thực hiện chính sách thương mại mở, điều tiết giá cả, cải thiện độ màu mỡ cho đất... Những chính sách này mang đến một số hiệu quả, làm tăng sản lượng nông nghiệp ở một số nước, tăng doanh thu xuất khẩu nông nghiệp. Tuy nhiên, sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách không đều. Chẳng hạn, tại một số nước vùng Tây Phi (điển hình là ngành trồng bông ở Cote d'Ivoire), song song với việc mở rộng tự do hoá thương mại theo cam kết là thành viên của ECOWAS, hệ thống giá cả do nhà nước quyết định và kiểm soát vẫn tồn tại. Trong nhiều năm gần đây, sự can thiệp của nhà nước vào giá cả và thị trường nông nghiệp ở nhiều nước Tây Phi đã được huy bỏ dần, nhưng ngành trồng bông ở các nước Tây Phi vẫn tiếp tục do các hợp tác xã hoặc các tập đoàn lớn kiểm soát. Theo cơ chế này, giá cả sản xuất bông được lên kế hoạch từng năm,

sau đó được bảo hộ trong suốt cả năm mặc cho những biến động giá cả từ bên ngoài, đặc biệt là khi giá cả nông sản thế giới luôn có chiều hướng suy giảm. Sự hỗ trợ và can thiệp này làm mất đi tác dụng của những cam kết hợp tác khu vực, đồng thời khiến hiệu quả sản xuất không được đảm bảo.

Một ví dụ khác về trợ cấp phân bón cũng cho thấy chính sách nông nghiệp của nhiều nước châu Phi mang tính chất không logic, kém hiệu quả. Vào thập kỷ 1970 và 1980, hầu hết các nước châu Phi đều thực hiện chính sách trợ cấp phân bón, bóp méo giá cả để giúp nông dân châu Phi có điều kiện cải tạo độ màu mỡ cho đất đai của họ. Sang đầu thập kỷ 1990, chính sách trợ cấp phân bón bị huỷ bỏ hoàn toàn ở hầu hết các nước châu Phi. Chính sách dừng trợ cấp phân bón của châu Phi diễn ra trong bối cảnh các đồng nội tệ của nhiều nước châu Phi bị phá giá và giá cả thế giới đang gia tăng, khiến giá phân bón trong nước tăng lên rất cao, có thời điểm lên tới 200-300%<sup>1</sup>. Giá cả tăng cao khiến nhiều nước châu Phi buộc phải quay lại chính sách trợ cấp phân bón thời kỳ trước đây, khiến việc thực thi các chính sách liên quan gặp nhiều khó khăn.

Từ hai ví dụ trên ta có rút ra nhận xét rằng, vấn đề chính trong thực hiện chính sách nông nghiệp ở các nước châu Phi là ở chỗ các chính sách phối hợp với nhau một cách không hiệu quả. Việc huỷ bỏ trợ cấp phân bón trong cùng thời điểm áp dụng những cải cách kinh tế vĩ mô khác (chẳng hạn như phá giá đồng tiền) sẽ khiến giá phân bón tăng lên rất nhanh làm hạn chế sự tham gia của khu vực tư nhân và khiến vai trò kiểm soát của các hợp tác xã nông nghiệp ngày càng lớn hơn. Nếu chính sách giảm trợ cấp phân bón đi cùng thời điểm với chính sách giảm thuế nhập khẩu phân bón, thì chính phủ các nước châu Phi có thể làm dịu

nhẹ đi tác động của sự tăng giá cả do yếu tố trong nước và yếu tố từ thị trường bên ngoài tác động. Tuy nhiên, điều này đã không được thực hiện ở các nước châu Phi.

*Thứ ba, đầu tư ngân sách cho phát triển nông nghiệp ở nhiều nước châu Phi còn quá ít.*

Mặc dù cam kết của nhiều nước châu Phi là sẽ tăng 10% ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nhưng chi tiêu công cộng cho phát triển nông nghiệp quá ít ỏi. Ở hầu hết các nước châu Phi, chi tiêu ngân sách cho nông nghiệp chỉ chiếm dưới 10% trong khi tỷ trọng nông nghiệp trong GDP của nhiều nước lên tới 30-80%. Chẳng hạn như ở Nigieria, chi tiêu ngân sách cho nông nghiệp chỉ chiếm 1,9% trong suốt giai đoạn bùng nổ kinh tế (1972-1980), sau đó tăng lên đạt 3% trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế (1981-1987), sau đó lại giảm xuống còn 1,1% trong suốt giai đoạn điều chỉnh cơ cấu (1988-92). Trong khi đó, nông nghiệp chiếm tới 30% GDP ở Nigeria. Ở nhiều nước khác như Chad, Ghana, Senegal, chi tiêu ngân sách cho phát triển nông nghiệp mang tính không hiệu quả, đôi khi mắc sai lầm. Chẳng hạn, thay vì cho việc đầu tư đường xá, hệ thống tưới tiêu, các dịch vụ nông nghiệp khác, thì đầu tư công cộng chủ yếu ở các nước này lại tập trung vào các lĩnh vực thuộc chuyên môn cao hơn như quản lý nông nghiệp, sử dụng đất đai. Chính vì vậy, nông nghiệp của châu Phi không phát triển bền vững. (Bảng 2)

Hiện nay, 85% đường xá ở khu vực nông thôn châu Phi trong điều kiện tồi tàn và không thể đi lại trong mùa mưa. Nếu như năm 1992, khoảng 17% đường xá ở các nước phía Nam Xahara được nâng cấp, thì năm 1998 con số này giảm xuống còn 12%. Ở Ethiopia, khoảng 70% dân số không được sử dụng đường tốt và ở nhiều nước đường xá chỉ được phát triển ở các khu vực thành thị hoặc cảng biển, không



được phát triển ở các vùng nông thôn. Cơ sở hạ tầng nông thôn nghèo nàn khiến chi phí vận chuyển hàng hoá ở châu Phi cao nhất thế giới, do đó khả năng hợp tác khu vực trong phát triển nông nghiệp là rất kém. UNCTAD đã thống kê chi phí giao thông trong hợp tác nội

khối, và những con số này cho thấy với hệ thống cơ sở hạ tầng ở châu Phi như hiện nay, các nước châu Phi sẽ mất đi khoảng 40% giá trị hàng hoá nông nghiệp xuất khẩu khi giao dịch nội khối do giá vận tải tăng cao.

**Bảng 2. Chi phí vận tải trên 1 container hàng hoá**

Năm	Nhóm nước	Chi phí nhập khẩu (USD)	Giá trị nhập khẩu (CIF) (USD)	% chi phí nhập khẩu trong tổng giá trị nhập khẩu
2003	Trung bình thế giới	379,2	7053	5,4
2002	Malawi	101,0	695	14,5
2000	Zambia và các nước Tây Phi	108,6	993	10,9
2001	Burkina Faso	92,5	656	14,1
2003	Mali	275,8	1130	24,4
2003	Niger và các nước Đông Phi	117,3	490	23,9
2003	Burundi	20,9	157	13,3
2004	Ruanda	61,0	284	24,1
2004	Uganda	288,3	1657	17,4

*Nguồn: UNCTAD RTM/2005 và 2006*

*Thứ tư, điều kiện khắc nghiệt của tài nguyên nông nghiệp châu Phi khiến khu vực này không thể phát triển nông nghiệp nếu thiếu sự hỗ trợ giúp đỡ từ bên ngoài.*

Với khí hậu nóng, mưa ít, đất đai khô cằn và sa mạc hoá, châu Phi rất khó đảm bảo an ninh lương thực nếu chỉ dựa vào sự hợp tác nội khối. Không giống như đồng ruộng ở Nam Á, nơi hệ thống tưới tiêu có thể phát triển trên diện rộng, người nông dân châu Phi không sản xuất riêng lẻ một loại cây trồng trong một vụ, chẳng hạn như lúa gạo hoặc ngô. Thay vào đó, để đảm bảo có thể duy trì sản xuất được, người nông dân châu Phi thường gieo trồng nhiều loại cây khác nhau trên mảnh đất của họ (thường là 10 loại hoặc hơn) trong các vụ mùa rất ngắn để cho phù hợp với sự thay đổi của

khí hậu. Hơn nữa, dân số tăng nhanh đang làm đất canh tác của châu Phi thiếu thốn nghiêm trọng và tỷ lệ đất bạc màu do khai thác rừng ngày càng tăng. Hầu hết các nước châu Phi đều phải nhập khẩu phân bón. Với điều kiện cơ sở hạ tầng nghèo nàn, chi phí nhập khẩu phân bón lên tới mức 336 USD/tấn ở Nigeria, 321 USD/tấn ở Malawi, 333 USD/tấn ở Zambia, 828 USD/tấn ở Angola, trong khi chi phí nhập khẩu phân bón ở Mỹ chỉ là 227 USD/tấn<sup>5</sup>. Chi phí này vượt quá khả năng tài chính của người nông dân châu Phi.

Hợp tác nội khối muốn mang lại hiệu quả đòi hỏi một khoản tiền khổng lồ để cải thiện cơ sở hạ tầng, cải thiện chất lượng đất, hạt giống, hệ thống tưới tiêu... Đây là một thách thức lớn bởi hầu hết các nước châu Phi còn rất

nghèo. Chẳng hạn, để mở rộng hệ thống tưới tiêu, chi phí ước tính lên tới 5000 USD-25.000 USD/ha, cao hơn nhiều so với khu vực châu Á. Hoặc để cho 90% dân số được sử dụng 20 km đường tốt có thể giao thông thuận tiện, cần phải chi tới 4 tỷ USD, tương đương tới 75% GDP/năm của 1 số nước châu Phi. Với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt như vậy, châu Phi không thể tự bản thân mình phát triển nông nghiệp nếu thiếu sự hỗ trợ giúp đỡ từ bên ngoài.

*Thứ năm, mặc dù thế giới đã rất nỗ lực hỗ trợ châu Phi phát triển nông nghiệp dưới nhiều hình thức hợp tác đa dạng, nhưng những hình thức này chưa mang lại hiệu quả cao.*

Hàng năm, châu Phi nhận được rất nhiều dự án từ các nước bên ngoài thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Chỉ riêng Ngân hàng Thế giới đã có tới 262 dự án liên quan đến nông nghiệp châu Phi trong vòng 15 năm (1991-2006). Tuy nhiên, để chia đều cho các dự án, thì mỗi nước trung bình chỉ nhận được 67,6 triệu USD trong vòng 15 năm qua. Con số này thực sự là nguồn tài chính ít ỏi để có thể đáp ứng nhu cầu của các nước và giải quyết thách thức trong phát triển nông nghiệp ở các nước châu Phi hiện nay. Hình thức hỗ trợ không hiệu quả đã gây lãng phí tiền đầu tư, đồng thời không tạo nên sức sống cho nông nghiệp châu Phi. Trong điều kiện khô hạn liên tiếp xảy ra, số tiền hỗ trợ của cộng đồng quốc tế chỉ đủ để châu Phi giải quyết những khó khăn trước mắt. Chẳng hạn vào năm 2003, Ngân hàng Thế giới cho Malawi vay khẩn cấp một khoản tiền để thực hiện Dự án phục hồi khô hạn khẩn cấp ở Malawi. 80% số tiền của dự án được dùng để hỗ trợ kỹ thuật tưới tiêu và hạn chế những rủi ro của thời tiết. Tuy nhiên, sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới chỉ đủ để Malawi khắc phục khô hạn trong thời gian ngắn, chứ không đủ để

giúp Malawi tăng năng suất nông nghiệp. Trong khi đó, tình trạng an ninh lương thực của đất nước này rất bất ổn. Các dự án đầu tư vào ngành nông nghiệp Malawi dưới nhiều hình thức khác nhau đều mang tính không hiệu quả, và trong 15 năm qua Malawi đã từ một nước tự sản xuất và cung cấp đủ lương thực cho đất nước mình (chủ yếu là ngô) trong những năm được mùa trở thành nước phải nhập khẩu lương thực và phải phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu lương thực cho người dân. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp ở Malawi đã giảm từ 8,1%/năm trong giai đoạn 1990-2000 xuống còn 1,8%/năm trong giai đoạn 2000-2004 (WB 2007).

Trong cơ cấu vốn vay mà cộng đồng quốc tế dành cho châu Phi, những khoản vay ưu tiên chủ yếu là dành cho hoạt động cứu đói (cứu trợ khẩn cấp) và cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, giải quyết các hoạt động liên quan đến nợ nần... Song song với đó là những khoản vay cho phát triển các ngành kinh tế thường chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Theo số liệu của FAO năm 2003, trong số 29 nước châu Phi cần trợ cấp lương thực khẩn cấp năm 2003, có 10 nước là do lâm vào nội chiến, 5 nước phải giải quyết vấn đề tị nạn và hồi hương, 1 nước mất ổn định kinh tế, 2 nước do tình trạng khô hạn kéo dài, và 11 nước là vì những lý do khác. Trong giai đoạn 1991-2006, số tiền Ngân hàng Thế giới cho châu Phi vay được phân bổ như sau: 19% dành để cải thiện hệ thống hành chính, luật pháp; 19% đầu tư cơ sở hạ tầng vận tải; 16% cho các dịch vụ sức khỏe và xã hội, 13% cho hoạt động năng lượng và khai thác khoáng sản; 10% cho bảo vệ nguồn nước; 9% cho giáo dục; chỉ có 8% giành cho phát triển nông nghiệp. Ngoài ra, 3% giành cho phát triển tài chính, 2% giành cho phát triển công nghiệp và thương mại và

1% giành cho công nghệ viễn thông, thông tin. Với số tiền cho vay ít ỏi giành cho nông nghiệp, cộng đồng quốc tế đã không thể giúp châu Phi phát triển nông nghiệp một cách toàn diện và bền vững.

Hơn nữa, không phải tất cả các nước châu Phi đều được sự ưu ái, giúp đỡ từ cộng đồng quốc tế. Các khoản cho vay của các tổ chức quốc tế giành cho phát triển nông nghiệp chỉ tập trung ở một số nước châu Phi – đó là những nước có điều kiện phát triển nông nghiệp tốt và môi trường chính trị xã hội tương đối ổn định. Trong giai đoạn 1991-2006, các khoản cho vay của Ngân hàng Thế giới chỉ tập trung nhiều nhất ở Tanzania (chiếm khoảng 10% số tiền của Ngân hàng Thế giới cho châu Phi vay), tiếp theo là Côte d' Ivoire và Uganda. Một số nước châu Phi như Botswana, Cape, Comoros không hề nhận được khoản hỗ trợ giúp đỡ nào từ WB. Còn tại một số nước khác như Angola, Cộng hòa dân chủ Congo, Guinea-Bissau, Lesotho, Mozambique, Cộng hòa Congo, Sierra Leone, các khoản cho vay của WB thường chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Trong khi nông nghiệp châu Phi cần một khối lượng vốn khổng lồ để giải quyết những khó khăn, thách thức và để khôi phục sản xuất sau nhiều thập kỷ khủng hoảng, thì viện trợ nước ngoài dành cho phát triển nông nghiệp ở châu Phi lại có xu hướng giảm. Đầu tư cho nông nghiệp châu Phi hiện nay cần rất nhiều yếu tố như đầu vào cho nông nghiệp, giống vật nuôi, cải thiện chất lượng đất đai, tưới tiêu, máy móc nông nghiệp, nhà ở, vốn nhân lực. Viện trợ giảm khiến cho nông nghiệp châu Phi rất khó có thể tăng năng suất lao động, phục hồi tốc độ tăng trưởng. Cho đến nay, cơ chế phối hợp viện trợ dành cho châu Phi chủ yếu gồm: +) Các hội nghị của Nhóm tư vấn của WB và

các hội nghị của các nhà tài trợ đa phương do các bộ trưởng của các nước hoặc của WB tiến hành: +) Chương trình đặc biệt về hỗ trợ cho châu Phi; và +) Câu lạc bộ Paris nhằm giảm nợ cho các nước châu Phi đang nặng nợ. Nếu như năm 1979, ODA giành cho nông nghiệp châu Phi chiếm 18% tổng vốn ODA của thế giới giành cho châu Phi, thì năm 2004 con số này chỉ còn chiếm 3.5%. Trong tổng số 5 quỹ viện trợ đa phương giành cho nông nghiệp châu Phi, đó là Quỹ Phát triển châu Phi (AfDF), Ủy ban châu Âu (EC), Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA - trực thuộc WB), Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD - thuộc Liên hiệp quốc) và Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP), thì trong giai đoạn 1998-2005 ODA của 5 quỹ này giành cho nông nghiệp và phát triển nông thôn châu Phi chỉ đạt con số ít ỏi là 6 tỷ USD, trong đó đóng góp lớn nhất thuộc về IDA – 1,7 tỷ USD và IFAD – 1,4 tỷ USD và nông nghiệp chiếm 63% tổng nguồn ODA, phát triển nông thôn chiếm 37%. Những nhà tài trợ song phương lớn nhất cho nông nghiệp châu Phi là Hà Lan, Mỹ, Nhật Bản, Pháp, Đức.

Như vậy, so với nhu cầu phát triển nông nghiệp, hợp tác nội khối đang gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ nhiều hơn nữa của cộng đồng quốc tế. Hiện nay, châu Phi đang phải vật lộn với rất nhiều khó khăn với nạn đói nghèo, dịch bệnh lan rộng, nông nghiệp kém phát triển, kinh tế lạc hậu ở nhiều nước. Châu Phi đang kêu gọi cộng đồng quốc tế hỗ trợ nhiều hơn nữa cho châu Phi so với hiện nay, đồng thời cộng đồng quốc tế cần tìm kiếm những phương thức phân bổ viện trợ hợp lý và hiệu quả hơn cho từng nước, để giúp châu Phi phát triển nông nghiệp và thoát khỏi tụt hậu so với thế giới bên ngoài.

**Chú thích:**

<sup>1</sup> Maputo, 24/6/2004.

<sup>2</sup> Hiệp ước Abuja được AU ký kết năm 1991 với mục tiêu đưa châu Phi trở thành một Thị trường chung Liên minh tiền tệ, liên minh kinh tế. trong đó RECs đóng vai trò là cầu nối liên kết sự hợp tác quốc qua với hợp tác khu vực và toàn châu Phi. Trong Tuyên bố Abuja năm 2006 về an ninh lương thực châu Phi, RECs có vai trò đẩy nhanh việc thực hiện các hiệp ước thương mại, hạ thấp hàng rào thuế quan, huỷ bỏ hàng rào phi thuế quan vào năm 2010. Mục tiêu của Tuyên bố Abuja năm 2006 là nhằm thúc đẩy và bảo hộ các hàng hoá nông nghiệp chiến lược của châu Phi như gạo, quả đậu, ngô, bông, cọ lấy

dầu, thịt bò, bơ sữa, gia cầm, hải sản, lúa miến, sắn. Theo cam kết trong Tuyên bố Abuja năm 2006, thì đến năm 2015 châu Phi sẽ tự đảm bảo nguồn cung cấp gạo, ngô, lúa miến, sắn, cọ lấy dầu, thịt bò và gia cầm; đồng thời sẽ chế biến 50% sản lượng bông thô của châu Phi vào năm 2015.

<sup>3</sup> Theo Trần Thị Lan Hương, Viện trợ nước ngoài vào châu Phi và những tác động chủ yếu, Tạp chí NC Châu Phi và Trung Đông, 2006.

<sup>4</sup> Theo *Can Africa Claim the 21st Century?* World Bank, 2000

<sup>5</sup> Theo World Bank Assistance to Agriculture in Sub-Saharan Africa, 2008

**Tài liệu tham khảo**

1. Trần Thị Lan Hương, *Điều kiện tự nhiên và thực trạng phát triển nông nghiệp hiện nay ở châu Phi*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 1/ 2009.
2. Nguyễn Thanh Hiền (Chủ biên), *Hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu của châu Phi*, NXB Khoa học Xã hội 2008.
3. Canisius K. Kanangire, *Nile Basin Intinitive Applied Training Project: Water Resources Management Issues and Chanllenges in the Nile Basin*, Executive Seminar. The Netherlands, 23-25/9/2008.
4. Christopher L. Delgado, *Africa's Changing Agricultural Development Strategies: Past and Present Papadigms as a Guide to the Future*, International Food Policy Research Institute (IFPRI). Discussion Paper 3, 2006.
5. FAO, *Towards an African Common Market for Agricultural Products*, 2006.
6. Flashback, *Fifty Years of Donor Aid to African Agriculture*, Currents No 34, 8/2004.
7. Hezron Mogaka, Samuel Gichere, Richard Davis, Rafik Hirji, *Climate Variability and Water Resourses Degradation in Kenya: Improving Water Resources Development and Management*, The World Bank Working Paper, No 69, 2006.
8. Katherin George Golitzen (Edited), *The Niger River Basin: A Vision for Sustainable Management*, The World Bank 2005
9. Lidia Cabral and Ian Scoones, *Narratives of Agricultural Policy in Africa: What Role for Ministries of Agriculture?* Future Agricultures Consortium Workshop, 3/2006.
10. Steven Haggblade, *Returns to Invesment in Agriculture*, Policy Synthesis Food Security Research Project – Zambia, N 19, 1/2007.